

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2026/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường
nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 76/TTr-STP ngày 11 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

2. Bãi bỏ Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (cũ) về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình (cũ) về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ; Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ NN&MT);
- Cục KTVB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Cục ĐKGDBĐ và BTNN (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh Phú Thọ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- UBND các xã, phường;
- CVP, Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Báo và Phát thanh Truyền hình Phú Thọ;
- Lưu: VT, NC6 (282b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hiếu

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; không quy định lại thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường nhà nước đã được pháp luật quy định.

Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- b) Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;
- c) Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- d) Người thi hành công vụ gây thiệt hại; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Bảo đảm sự chủ động, thống nhất và hiệu quả trong thực hiện công tác bồi thường nhà nước giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Xác định cụ thể nội dung, phương thức phối hợp và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Qua đó, góp phần phòng ngừa vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ.

3. Bảo đảm việc hướng dẫn, giải quyết yêu cầu bồi thường phát sinh trên địa bàn tỉnh kịp thời, khách quan, đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ đúng quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước và các quy định khác có liên quan.

2. Hoạt động phối hợp phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm tính độc lập, chuyên môn và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Bảo đảm tính minh bạch, rõ trách nhiệm, rõ đầu mối; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, linh hoạt giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết vụ việc. Việc cung cấp, trao đổi thông tin phải kịp thời, đầy đủ, chính xác.

4. Đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức tham gia phối hợp trong công tác thực hiện bồi thường nhà nước. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm về công tác bồi thường nhà nước.

2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước.

3. Xác định cơ quan giải quyết bồi thường nhà nước.

4. Hướng dẫn, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước.

5. Thực hiện xác minh thiệt hại và thương lượng bồi thường.

6. Chi trả tiền bồi thường; xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại.

7. Thực hiện theo dõi, đôn đốc công tác bồi thường nhà nước.

8. Công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước.

9. Báo cáo, thống kê về công tác bồi thường nhà nước.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Phối hợp bằng văn bản.

2. Tổ chức cuộc họp liên ngành.

3. Tổ chức thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành.

4. Các hình thức phối hợp khác theo quy định pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 6. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm về công tác bồi thường nhà nước

1. Hằng năm, căn cứ hướng dẫn của Bộ Tư pháp và tình hình thực tiễn tại địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan

xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Căn cứ Kế hoạch công tác bồi thường nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm ban hành kế hoạch thực hiện cụ thể hoặc lồng ghép nội dung bồi thường nhà nước vào kế hoạch công tác hằng năm để tổ chức triển khai theo đúng quy định.

Điều 7. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước.

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về công tác bồi thường nhà nước cho cán bộ, công chức được giao tham mưu thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quản lý; cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ theo đề nghị của Sở Tư pháp và các cơ quan có thẩm quyền.

2. Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh chủ trì tổ chức tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng kỹ năng về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng và thi hành án cho cán bộ, công chức, người thi hành công vụ thuộc phạm vi quản lý; có trách nhiệm cử cán bộ, công chức tham gia tập huấn theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 8. Xác định cơ quan giải quyết bồi thường

Việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường khi có vụ việc phát sinh được thực hiện theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Nghị định số 68/2018/NĐ-CP và Nghị định 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức cuộc họp, xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 32, Điều 33 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý người thi hành công vụ có đơn yêu cầu giải quyết bồi thường nhà nước có trách nhiệm chủ động, phối hợp với Sở Tư pháp và đơn vị liên quan trong thực hiện xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định pháp luật.

Điều 9. Hướng dẫn, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc hướng dẫn, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước và Điều 18 của Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính

phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan thi hành án dân sự hướng dẫn, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính và thi hành án dân sự.

b) Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh hướng dẫn, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng và thi hành án hình sự.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước theo khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thực hiện xác minh thiệt hại và thương lượng bồi thường

1. Cơ quan giải quyết bồi thường chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện xác minh thiệt hại theo quy định tại Điều 45 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 14 của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP. Cơ quan, đơn vị được yêu cầu phối hợp có trách nhiệm cử đầu mối, cung cấp thông tin, tài liệu và tham gia xác minh theo đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường.

2. Cơ quan giải quyết bồi thường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức buổi thương lượng theo quy định tại Khoản 3, 4, 6, 7 Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Nội dung thương lượng thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Cơ quan, đơn vị được mời tham dự có trách nhiệm cử đại diện; cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan và có ý kiến về các vấn đề liên quan tại buổi thương lượng bồi thường.

Điều 11. Chi trả tiền bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ

1. Việc chi trả tiền bồi thường được thực hiện như sau:

a) Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường theo quy định tại Điều 62 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại tổng hợp quyết toán kinh phí bồi thường theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước. Sau khi hoàn thành việc chi trả, cơ quan chi trả có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp về kết quả và tình hình chi trả tiền bồi thường.

2. Xác định trách nhiệm hoàn trả

a) Cơ quan đã chi trả tiền bồi thường có trách nhiệm thành lập Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Trách

nhiệm bồi thường của Nhà nước. Trình tự, thủ tục tổ chức và phương thức làm việc của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, chủ động cung cấp thông tin vụ việc, cử đại diện tham gia Hội đồng đúng thành phần và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng để đảm bảo việc xem xét trách nhiệm hoàn trả khách quan, đúng pháp luật.

c) Việc xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại tại các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Điều 12. Thực hiện theo dõi, đôn đốc công tác bồi thường nhà nước

1. Nội dung theo dõi, đôn đốc công tác bồi thường thực hiện theo quy định tại Mục 2, Mục 3 Chương II Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

2. Trách nhiệm thực hiện theo dõi, đôn đốc:

a) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện lập danh mục các vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

b) Sở Tư pháp thực hiện đôn đốc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và cơ quan thi hành án dân sự tỉnh thực hiện công tác bồi thường nhà nước bảo đảm đúng quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

c) Cơ quan, đơn vị nhận được văn bản đôn đốc có trách nhiệm nghiên cứu, rà soát và trả lời bằng văn bản theo đúng nội dung và thời hạn yêu cầu của cơ quan đề nghị.

Điều 13. Trách nhiệm gửi văn bản trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả

1. Trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi các văn bản, tài liệu sau đây cho Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp:

a) Bản án, quyết định về giải quyết yêu cầu bồi thường.

b) Thông báo thụ lý hồ sơ; Thông báo không thụ lý hồ sơ; Văn bản cử người giải quyết bồi thường.

c) Quyết định hủy, sửa chữa, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường.

d) Quyết định hoãn giải quyết bồi thường.

- đ) Quyết định tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường.
- e) Quyết định đình chỉ giải quyết bồi thường.
- g) Quyết định hoàn trả.

2. Việc cung cấp thông tin cho Sở Tư pháp được thực hiện ngay sau khi cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại ban hành các văn bản quy định tại khoản 1 Điều này. Sau khi hoàn thành việc hoàn trả hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước của tỉnh, Bộ, ngành Trung ương, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan theo quy định.

Điều 14. Công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước

1. Công tác kiểm tra được thực hiện như sau:

a) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm tra công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; Chủ trì, thống nhất với các cơ quan có liên quan về kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh;

b) Nội dung, hình thức kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 18 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Việc kiểm tra đột xuất được thực hiện khi có căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP và khoản 2 Điều 18 Thông tư số 08/2019/TT-BTP.

2. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc thống nhất kế hoạch kiểm tra và cử đại diện tham gia đoàn kiểm tra khi có yêu cầu.

b) Chủ trì, phối hợp thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong công tác bồi thường nhà nước theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 15. Báo cáo, thống kê về công tác bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ hằng năm về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh và báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

2. Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi quản lý của ngành gửi Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo công tác bồi thường nhà nước của tỉnh.

3. Nội dung báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 24, Điều 25 của Thông tư số 08/2019/TT-BTP.

4. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện báo cáo, thống kê công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi quản lý của ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Việc gửi báo cáo được thực hiện theo đề nghị của cơ quan yêu cầu báo cáo bằng một trong các phương thức sau: Gửi trực tiếp; gửi qua dịch vụ bưu chính; gửi qua hệ thống thư điện tử công vụ của cơ quan báo cáo và báo cáo phải có chữ ký số hoặc xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp

a) Chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

2. Sở Tài chính

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

b) Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

b) Thực hiện việc giải quyết bồi thường trong trường hợp hành vi gây thiệt hại theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 19, Điều 20 của Nghị định số 120/2025/NĐ-CP, xem xét trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Đề nghị Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự tỉnh tổ chức quản lý, triển khai công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tổ tụng và thi hành án dân sự trong hệ thống Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và thi hành án dân sự theo quy định pháp luật; thực hiện theo chỉ đạo, hướng

dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Cục Quản lý thi hành án dân sự.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

b) Thực hiện việc giải quyết bồi thường trong trường hợp hành vi gây thiệt hại theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP; xem xét trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả theo thẩm quyền.

c) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện giải quyết bồi thường, xem xét trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định. Bố trí ngân sách cho công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của mình theo quy định.

d) Phân công bộ phận, công chức làm đầu mối tham mưu, tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn theo quy định.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ làm cơ sở cho việc xác minh thiệt hại, đề nghị định giá tài sản, giải quyết thiệt hại hoặc lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức có liên quan về thiệt hại, mức bồi thường khi có yêu cầu.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu trong Quy chế này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý./.